

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2021/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 5508/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách giai

đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, việc điều chỉnh các quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn chi thường xuyên ngân sách địa phương được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị dự toán cấp tỉnh, các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước

1. Nguyên tắc kế thừa

Định mức phân bổ nguồn chi thường xuyên 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ xác định theo nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2022 - 2025; tiếp tục kế thừa kết quả đã đạt được của hệ thống định mức phân bổ giai đoạn 2017 - 2021 khi xác định tiêu chí tính toán là đối tượng chi của ngân sách như: Số học sinh, giường bệnh, biên chế, dân số....

2. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp đồng bộ kết cấu định mức quy định của Thủ tướng giai đoạn 2022 - 2025

- Dân số làm cơ sở xác định một số tiêu chí trong định mức được phân theo 3 vùng theo quy định:

+ Vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn: Bao gồm dân số ở các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đơn vị thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xác định theo quy định của cấp có thẩm quyền (căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, II, I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025);

+ Vùng đô thị: Bao gồm dân số ở các phường, thị trấn (không kể dân số ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn nêu trên);

+ Vùng khác còn lại: Bao gồm dân số ở các khu vực còn lại.

- Kết cấu các tiêu chí đảm bảo nguồn lực phù hợp với phương thức đổi mới quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Đảm bảo và phù hợp với khả

năng ngân sách năm 2022 và các năm tiếp theo cho các nhiệm vụ: Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, chi nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các khoản mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên, kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành, có hiệu lực đến thời điểm ngày 01/9/2021 theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021- 2025...);

- Đối với các lĩnh vực sự nghiệp, quy định mức phân bổ căn cứ theo chủ trương tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng tăng chi đầu tư phát triển

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công; thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, khuyến khích xã hội hoá, tăng chi đầu tư phát triển, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các dự án, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị thuộc các lĩnh vực sự nghiệp.

Điều 3. Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo các lĩnh vực cụ thể

1. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

1.1. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể

1.1.1. Tiêu chí

Căn cứ số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao đầu năm trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc của từng cơ quan, đơn vị. Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ kinh phí để bảo đảm chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định, các cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí hoạt động theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao phù hợp với từng lĩnh vực, có hệ số ưu tiên vùng miền căn cứ theo điều kiện kinh tế - xã hội của từng huyện, thành, thị.

Căn cứ nguồn lực và khả năng cân đối ngân sách hằng năm, bố trí kinh phí cho một số nhiệm vụ không thường xuyên, nhiệm vụ đặc thù của các ngành, lĩnh vực theo quy định.

1.1.2. Định mức phân bổ

a) Cấp tỉnh

*/ Đối với các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể, các hội đặc thù (được giao biên chế) được phân bổ:

- Đảm bảo đầy đủ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số biên chế có mặt theo quy định; số biên chế có mặt thiếu so với biên chế giao được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/biên chế/01 tháng cho số biên chế thiếu;

- Định mức kinh phí hoạt động phân bổ theo tiêu chí biên chế được cấp có thẩm quyền giao:

+ Từ 20 biên chế trở xuống: 33 triệu đồng/biên chế/năm;

+ Từ biên chế thứ 21 đến 40: 25 triệu đồng/biên chế/năm;

+ Từ biên chế thứ 41 trở lên: 22 triệu đồng/biên chế/năm.

Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế bao gồm các nội dung chi như sau:

(1) Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan; (2) các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi xây dựng, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát; (3) kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc, trang phục của cán bộ, công chức theo quy định.

- Đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể có giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp, cơ quan đảng, đoàn thể có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: Ngoài việc đảm bảo đầy đủ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số biên chế có mặt theo quy định (biên chế thiếu được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/biên chế/01 tháng), mức chi đảm bảo hoạt động: 21 triệu đồng/biên chế/năm;

- Các cơ quan: Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (HĐND), Văn phòng Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh và một số đơn vị

khác: Ngoài định mức biên chế trên, trên cơ sở định mức, chế độ, tiêu chuẩn và các nhiệm vụ chi đặc thù được giao được bổ sung thêm kinh phí để đảm bảo hoạt động trên cơ sở nguồn lực và khả năng cân đối ngân sách;

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ: Cải cách hành chính; đề án xây dựng chính quyền điện tử; hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có hoạt động gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương; bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên; thi đua khen thưởng, kinh phí thực hiện hợp đồng các công việc theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và các hoạt động khác phát sinh... được xác định căn cứ nguồn lực và khả năng cân đối ngân sách hằng năm.

*/ Các Hội đặc thù chưa được giao biên chế (giao định biên): 89 triệu đồng/định biên/năm.

b) Cấp huyện

*/ Đối với các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể (đã bao gồm Trung tâm chính trị cấp huyện), các hội đặc thù (được giao biên chế) được phân bổ:

- Đảm bảo đầy đủ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số biên chế có mặt theo quy định. Các đơn vị thiếu biên chế được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/biên chế/01 tháng cho số biên chế thiếu;

- Định mức kinh phí hoạt động phân bổ theo tiêu chí biên chế được cấp có thẩm quyền giao:

Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: 20 triệu đồng/biên chế/năm;

Các huyện Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 23 triệu đồng/biên chế/năm;

Các huyện còn lại: 22 triệu đồng/biên chế/năm.

*/ Các hội đặc thù chưa được giao biên chế (giao định biên): 65 triệu đồng/định biên/năm.

*/ Ngoài định mức biên chế trên, các đơn vị cấp huyện được bổ sung thêm kinh phí để đảm bảo các nhiệm vụ, hoạt động của cấp mình: Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cấp huyện; kinh phí duy trì mạng Tabmis; chi thi đua khen thưởng; chi phụ cấp 1 cửa của UBND cấp huyện; kinh phí thực hiện chi trả phụ cấp kiêm nhiệm theo Pháp lệnh Cựu Chiến binh; trang phục Thanh tra; kinh phí chi trả phụ cấp người đứng đầu Ban đại diện Hội người cao tuổi; phụ cấp báo cáo viên theo Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW-BTGTW ngày 15/8/2011; phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm đại biểu HĐND; phụ cấp Ủy viên Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; kinh phí hỗ trợ sinh hoạt phí đối với Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không hưởng lương từ ngân sách nhà nước; kinh phí hoạt động và chi trả thù lao trách nhiệm theo tính chất nghề

hàng tháng đối với một số chức danh của Ban Chỉ đạo 35 cấp huyện; kinh phí thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính của cán bộ công chức đầu mối; kinh phí xét nghiệm HIV khám tuyển nghĩa vụ quân sự; kinh phí tổ chức các kỳ họp HĐND cấp huyện; kinh phí thực hiện Quyết định số 11-QĐ/TU và Thông báo Kết luận số 424-TB/TU ngày 22/10/2021 của Tỉnh uỷ về một số chế độ, chính sách đối với cán bộ; kinh phí thực hiện việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; kinh phí bảo dưỡng, bảo trì hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng; kinh phí thực hiện chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; kinh phí thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; kinh phí thực hiện hoạt động của Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện; kinh phí điều tra hộ nghèo; kinh phí thực hiện Đề án “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 - 2027” và Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”; kinh phí quản lý Quỹ “Vì người nghèo”... và các hoạt động khác:

- Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: 5.600 triệu đồng/thành, thị/năm;
- Các huyện Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 5.400 triệu đồng/huyện/năm;
- Các đơn vị cấp huyện còn lại: 5.500 triệu đồng/huyện/năm;

- Riêng huyện Tân Sơn: Do đặc thù là huyện có mật độ dân số thấp nhất trong tỉnh (diện tích tự nhiên lớn nhất, quy mô dân số nhỏ nhất), được bổ sung thêm 500 triệu đồng/năm để đảm bảo mặt bằng chi xác định lại sau khi không hưởng các chính sách ưu đãi theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ.

c) Cấp xã

- Đảm bảo đầy đủ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với cán bộ, công chức cấp xã; phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư; Phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm đại biểu HĐND; Bảo hiểm y tế cho đại biểu HĐND không hưởng lương. Các đơn vị thiếu biên chế được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/biên chế/01 tháng cho số biên chế thiếu;

- Đảm bảo chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về ban hành Quy định chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở;

- Đảm bảo kinh phí khoán hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở cấp xã;

- Kinh phí cho các hoạt động cấp xã đảm bảo thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ bao gồm: Kinh phí chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi; kinh phí thực hiện chi trả thù lao và hoạt động của Đội công tác xã hội tình nguyện cấp xã; kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; kinh phí chi trả phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ tham gia vào công tác quản lý Trung tâm học tập cộng đồng; phụ cấp một cửa; chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cấp xã; chi hoạt động Hội người cao tuổi; kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi, kinh phí hỗ trợ đi lại cho cán bộ y tế và người cao tuổi khám chữa bệnh; kinh phí tổ chức các kỳ họp HĐND cấp xã; hỗ trợ kinh phí cho sự nghiệp khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; kinh phí bảo dưỡng, bảo trì hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng; kinh phí thực hiện chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; kinh phí thực hiện cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; kinh phí điều tra hộ nghèo; kinh phí quản lý Quỹ “Vì người nghèo”.... và các hoạt động khác:

- + Xã loại 1: 400 triệu đồng/xã, phường/năm;
- + Xã loại 2: 380 triệu đồng/xã, phường/năm;
- + Xã loại 3: 350 triệu đồng/xã, phường/năm.

d) Kinh phí cho các hoạt động, nhiệm vụ của khu dân cư bao gồm: Kinh phí khoán hoạt động đối với các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội Người cao tuổi ở khu dân cư; kinh phí điều tra hộ nghèo.... và các hoạt động khác:

- Khu đặc biệt khó khăn, khu thuộc xã đặc biệt khó khăn và xã an toàn khu (ATK): 25 triệu đồng/khu/năm;
- Khu còn lại: 20 triệu đồng/khu/năm.

Định mức phân bổ nêu trên đã đảm bảo kinh phí khoán hoạt động đối với các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội Người cao tuổi ở khu dân cư: Chi bồi dưỡng cho người trực tiếp thường xuyên tham gia công việc của thôn, tổ dân phố: 160.000 đồng/người/tháng; chi bồi dưỡng cho người trực tiếp không thường xuyên tham gia công việc của thôn, tổ dân phố: Tối đa 50.000 đồng/người/ngày.

Bí thư Chi bộ, Trưởng khu dân cư, Trưởng Ban công tác Mặt trận và trưởng các tổ chức liên quan ở khu dân cư bàn bạc, thống nhất về đối tượng và thời gian được hưởng bồi dưỡng cho người trực tiếp (thường xuyên và không thường xuyên) tham gia công việc của khu; đồng thời, căn cứ nguồn lực từ số kinh phí khoán; các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác (nếu có), UBND cấp xã thực hiện quản lý,

sử dụng nguồn kinh phí chi trả trực tiếp cho người tham gia công việc ở khu dân cư đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

e) Ngoài định mức trên, đối với các nhiệm vụ phát sinh khác như: Đại hội các tổ chức đoàn thể, kỷ niệm các ngày lễ lớn,..., căn cứ vào khả năng ngân sách bố trí hỗ trợ kinh phí cho cấp huyện và cấp xã theo quy định.

1.2. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1.2.1. Tiêu chí

Căn cứ biên chế giáo viên, số học sinh được cấp có thẩm quyền giao đầu năm, giáo viên mầm non ngoài biên chế (hợp đồng tỉnh và hợp đồng cấp huyện) đến thời điểm 01/9/2021 đảm bảo tỷ lệ bình quân 2,1 giáo viên/lớp (nhóm trẻ).

Sau khi đảm bảo tối thiểu các chế độ chính sách và hoạt động theo quy định, số tiết kiệm (nếu có) được tiếp tục phân bổ thực hiện chi đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục cho các nhiệm vụ: Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn và tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp; hỗ trợ kinh phí thực hiện hợp đồng một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

1.2.2. Định mức phân bổ

Đảm bảo đầy đủ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (chi nhóm I) đối với số biên chế có mặt theo quy định. Các đơn vị thiếu biên chế được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/biên chế/01 tháng cho số biên chế thiếu.

Các khoản chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập (nhóm II) được tính theo số học sinh được cấp có thẩm quyền giao đầu năm, cụ thể:

a) Cấp tỉnh: Định mức phân bổ theo học sinh: 890.000 đồng/học sinh/năm, đảm bảo tăng tối thiểu 15% so với dự toán năm 2021.

- Khối Trung học phổ thông (THPT) định mức: Hệ số phân bổ theo học sinh được tính hệ số điều chỉnh theo từng vùng:

Địa bàn các huyện, thành, thị	Hệ số điều chỉnh
Thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ	1,0
Trường THPT Chuyên Hùng Vương	2,2
Các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập	1,3
Các huyện còn lại	1,2

- Khối các trường nội trú: Hệ số phân bổ theo học sinh được tính hệ số điều chỉnh: 3,1.

- Khởi các đơn vị: Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp tỉnh; Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, ngoài định mức phân bổ theo học sinh, được bổ sung:

+ Định mức hoạt động của bộ máy quản lý: Đảm bảo cơ cấu 85 - 15;

+ Định mức theo số học sinh, sinh viên hệ đào tạo được giao được phân bổ thêm theo định mức phân bổ sự nghiệp đào tạo.

- Hỗ trợ các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (THCS), THPT đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch: 500 triệu đồng/trường/năm.

b) Cấp huyện

- Định mức phân bổ theo học sinh mầm non: 280.000 đồng/học sinh/năm; tiểu học: 330.000 đồng/học sinh /năm; THCS: 450.000 đồng/học sinh/năm.

Được phân bổ theo từng vùng với hệ số điều chỉnh như sau:

Địa bàn các huyện, thành, thị	Hệ số điều chỉnh
Thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ	1,0
Các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập	1,3
Các huyện còn lại	1,2

Định mức chi nhóm II trên đảm bảo tăng tối thiểu 15% so với dự toán năm 2021.

- Định mức hỗ trợ giáo viên mầm non ngoài biên chế (hợp đồng tỉnh):

+ Công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Đảm bảo đầy đủ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (chi nhóm I);

+ Công tác tại vùng còn lại: Ngoài việc hỗ trợ các khoản đóng góp theo quy định tính trên hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở, ngân sách tỉnh hỗ trợ tiền lương theo mức:

Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: 2.000.000 đồng/giáo viên/tháng;

Các huyện: Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn: 2.500.000 đồng/giáo viên/tháng;

Các huyện còn lại: 2.300.000 đồng/giáo viên/tháng.

- Định mức hỗ trợ giáo viên mầm non ngoài biên chế (hợp đồng huyện): Ngoài việc hỗ trợ các khoản đóng góp theo quy định tính trên hệ số lương 2,1 theo mức lương cơ sở, ngân sách tỉnh hỗ trợ tiền lương theo mức:

+ Công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 3.000.000 đồng/giáo viên/tháng;

+ Công tác tại vùng còn lại:

Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: 2.000.000 đồng/giáo viên/tháng;

Các huyện: Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn: 2.500.000 đồng/giáo viên/tháng;

Các huyện còn lại: 2.300.000 đồng/giáo viên/tháng.

- Đối với khối các trường phổ thông dân tộc nội trú: Phân bổ theo định mức học sinh THCS được tính hệ số điều chỉnh: 3,1.

c) Các khoản chi khác phục vụ chung cho toàn ngành: Căn cứ vào khả năng ngân sách hằng năm, bố trí bổ sung chi cho một số nhiệm vụ sau: Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, giao lưu, khảo sát, hội thảo, hội khỏe phù đồng...; chi bồi dưỡng, đào tạo giáo viên, bồi dưỡng học sinh giỏi, hội nghị tập huấn chuyên môn; tăng cường cơ sở vật chất, thực hiện duy trì và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, thực hiện kế hoạch dạy và học ngoại ngữ; mua sắm trang thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, sách giáo khoa mới; chi ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, học tập; chi thi đua khen thưởng của ngành; chi học bổng cho học sinh đạt giải theo quy định của tỉnh; chi đề tài nghiên cứu khoa học, biên soạn tài liệu bồi dưỡng của ngành; chi thực hiện công tác đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục và các khoản chi hoạt động giáo dục đào tạo khác theo quy định....), hỗ trợ kinh phí thực hiện hợp đồng một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định và các khoản chi hoạt động giáo dục khác theo quy định.

1.3. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp

1.3.1. Tiêu chí

- Căn cứ theo tiêu chí biên chế giáo viên, số học sinh, sinh viên được cấp có thẩm quyền giao đầu năm theo chỉ tiêu pháp lệnh của tỉnh. Số học sinh, sinh viên ngoài chỉ tiêu pháp lệnh được thực hiện theo cơ chế cung ứng dịch vụ công (học sinh, sinh viên đóng góp hoàn toàn đảm bảo đủ chi phí);

- Căn cứ kết cấu nhóm ngành, nghề đào tạo tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: Đối với giáo dục nghề nghiệp theo 7 nhóm ngành, nghề đào tạo; đối với giáo dục đại học: Theo 9 khối ngành đào tạo.

1.3.2. Định mức phân bổ

a) Cấp tỉnh

- Đảm bảo đầy đủ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (chỉ nhóm I) đối với số biên chế có mặt theo quy định. Các đơn vị thiếu biên chế được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/biên chế/01 tháng cho số biên chế thiếu;

- Các khoản chi cho công tác giảng dạy, học tập (nhóm II) và bộ máy quản lý được tính theo số sinh viên. Mức tính cụ thể như sau:

+ Đối với giáo dục nghề nghiệp

Đơn vị: Nghìn đồng/sinh viên/năm (12 tháng)

STT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo		
		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	3.800	2.700	3.600
2	Khoa học, pháp luật và toán	3.800	2.700	3.000
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	4.500	3.600	4.000
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	4.500	3.700	4.000
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	4.700	3.700	4.200
6	Sức khỏe	4.500	2.800	3.080
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	4.600	3.700	4.000

+ Đối với giáo dục Đại học

Đơn vị: Nghìn đồng/sinh viên/năm (12 tháng)

STT	Khối ngành đào tạo	Số tiền
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	5.100
2	Khối ngành II: Nghệ thuật	6.500
3	Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	4.300
4	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	4.700
5	Khối ngành V 1: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	4.700
6	Khối ngành V 2: Nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	5.200
7	Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	4.900
8	Khối ngành VI.2: Y dược	6.500
9	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	4.400

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được phân bổ kinh phí cho các lớp (theo số học viên) được cấp có thẩm quyền giao; Trung tâm bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được phân bổ thêm kinh phí hoạt động nhóm II đảm bảo tỷ lệ 85 - 15;

- Phân bổ thêm theo khu vực để đảm bảo hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, biên soạn, thẩm định giáo trình giảng dạy, kiểm định đánh giá ngoài,... phục vụ công tác giảng dạy của Trường Đại học Hùng Vương;

- Ngoài định mức phân bổ trên, căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học cấp tỉnh được bổ sung thêm kinh phí để đào tạo vận động viên của Trung tâm Đào tạo Huấn luyện thể dục thể thao; kinh phí đào tạo lại, kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật và kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, hỗ trợ kinh phí thực hiện hợp đồng một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định....

b) Cấp huyện

*/ Đối với các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

- Đảm bảo đầy đủ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (chỉ nhóm I) đối với số biên chế có mặt theo quy định. Các đơn vị thiếu biên chế được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/biên chế/01 tháng cho số biên chế thiếu;

- Định mức chi cho công tác giảng dạy, học tập (nhóm II) bao gồm:

+ Định mức hoạt động của bộ máy quản lý: Đảm bảo cơ cấu 88 - 12;

+ Định mức theo số học sinh, sinh viên hệ đào tạo: Quy định tại tiết a) điểm này;

+ Định mức theo số học sinh hệ bổ túc văn hóa THPT: Quy định tại tiết a) điểm 1.2.2.

*/ Đảm bảo kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện (trợ cấp ngày công lao động và tiền ăn) dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ.

*/ Bổ sung kinh phí hỗ trợ sự nghiệp đào tạo cấp huyện (đã bao gồm kinh phí đào tạo lại): Được phân bổ theo từng vùng như sau:

- Thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ: 700 triệu đồng/huyện/năm;

- Các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 950 triệu đồng/huyện/năm;

- Các huyện còn lại: 750 triệu đồng/huyện/năm.

c) Cấp xã: 25 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

1.4. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

1.4.1. Tiêu chí

Căn cứ theo tiêu chí biên chế biên chế, chỉ tiêu giường bệnh được giao của cấp có thẩm quyền; căn cứ định mức hoạt động của các trạm y tế, các nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

1.4.2. Định mức phân bổ

a) Các đơn vị trực thuộc tỉnh

* / Hoạt động khám, chữa bệnh

- Các đơn vị thực hiện chức năng khám, chữa bệnh tuyến tỉnh: Bệnh viện Phổi; Bệnh viện Tâm thần; Bệnh viện Y dược cổ truyền và Phục hồi chức năng; Bệnh viện Mắt: Định mức phân bổ: 55 triệu đồng/giường bệnh/năm;

- Các đơn vị thực hiện chức năng khám, chữa bệnh tuyến huyện:

+ Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ, Trung tâm Y tế các huyện: Hạ Hòa, Đoan Hùng: Định mức phân bổ: 45 triệu đồng/giường bệnh/năm;

+ Trung tâm Y tế các huyện: Tam Nông, Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn, Lâm Thao, Phù Ninh: Định mức phân bổ: 55 triệu đồng/giường bệnh/năm.

* / Các đơn vị trong quá trình thực hiện sắp xếp, sáp nhập theo kết luận của cấp có thẩm quyền chưa hoàn thành được phân bổ theo nguyên tắc đảm bảo quỹ tiền lương và chi hoạt động theo định mức tương ứng theo số biên chế điều chuyển.

* / Hoạt động y tế dự phòng và y tế khác

- Đảm bảo đầy đủ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số biên chế được cấp có thẩm quyền giao; các đơn vị thiếu biên chế được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/biên chế/01 tháng cho số biên chế thiếu;

- Định mức kinh phí hoạt động phân bổ theo tiêu chí biên chế:

+ Hoạt động tuyến tỉnh gồm các Trung tâm: Kiểm soát bệnh tật; Kiểm nghiệm dược phẩm; Giám định Y khoa; Giám định Pháp y: 23 triệu đồng/biên chế/năm;

+ Hoạt động tuyến huyện

Các Trung tâm Y tế: Thành phố Việt Trì, Thị xã Phú Thọ, huyện Lâm Thao, huyện Phù Ninh: 16 triệu đồng/biên chế/năm;

Các Trung tâm Y tế huyện: Thanh Ba, Hạ Hòa, Đoan Hùng, Tam Nông, Cẩm Khê, Thanh Thủy: 18 triệu đồng/biên chế/năm;

Các Trung tâm Y tế huyện: Yên lập, Thanh Sơn, Tân Sơn: 19 triệu đồng/biên chế/năm.

* / Các nhiệm vụ khác thuộc sự nghiệp y tế

- Đảm bảo kinh phí mua thẻ Bảo hiểm y tế (BHYT) cho các đối tượng: Trẻ em dưới 6 tuổi, người thuộc hộ gia đình nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cựu chiến binh, cựu thanh niên xung phong, dân quân du kích, quân nhân, dân công hỏa tuyến; hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT theo quy định cho các đối tượng là học sinh - sinh viên, người thuộc hộ gia đình cận nghèo, người thuộc hộ gia đình nông lâm nghiệp có mức sống trung bình,...;

- Căn cứ khả năng ngân sách, bố trí kinh phí triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, chương trình y tế - dân số do ngân sách Trung ương đảm bảo giai đoạn 2016 - 2020 chuyển thành nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương: Kinh phí mua thuốc Methadone; phương tiện tránh thai; thuốc điều trị tâm thần (phần còn thiếu sau khi được Quỹ BHYT đảm bảo); vật tư tiêm chủng; thuốc sốt rét, hóa chất phòng chống sốt xuất huyết; kinh phí tiêu hủy: Bơm kim tiêm, phương tiện tránh thai, thuốc, vắc xin, mẫu bệnh phẩm, vật tư, hóa chất hết hạn sử dụng (nếu có), chất thải độc hại (nếu có); tiêu hủy thực phẩm, nguyên liệu sản xuất, chế biến thực phẩm, vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất, kinh doanh thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm (đối với hàng vô chủ) phát hiện trong các đợt kiểm tra, thanh tra, giám sát; kinh phí tuyên truyền, tập huấn; đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ y tế cấp cơ sở; hỗ trợ quản lý chương trình; kiểm tra, giám sát, đánh giá,...;

- Căn cứ khả năng ngân sách phân bổ thêm kinh phí đảm bảo ưu tiên cho y tế dự phòng; phân bổ thêm các khoản chi khác phục vụ chung cho toàn ngành gồm: Kinh phí nghiệp vụ ngành cho các đơn vị, kinh phí đào tạo chuyên khoa và tiên sỹ; tăng cường cơ sở vật chất ngành y tế, phòng, chống dịch, hỗ trợ kinh phí thực hiện hợp đồng một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định, dự kiến nhiệm vụ phát sinh khác.

b) Các đơn vị y tế trực thuộc huyện

- Đảm bảo đầy đủ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số biên chế có mặt theo quy định. Các đơn vị thiếu biên chế được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/biên chế/01 tháng cho số biên chế thiếu;

- Phân bổ kinh phí hoạt động theo tiêu chí dân số trên địa bàn có phân theo vùng, miền, cụ thể như sau:

<i>Vùng</i>	<i>Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)</i>
- Đô thị	1.605
- Vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn	9.560
- Vùng còn lại	7.980

- Đảm bảo kinh phí chi trả chế độ bồi dưỡng hằng tháng cho Cộng tác viên dân số theo mức 150.000 đồng/người/tháng.

c) Hoạt động y tế xã

- Đảm bảo chi đủ các khoản lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định cho viên chức y tế xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (biên chế thiếu được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/biên

ché/01 tháng). Đảm bảo phụ cấp cho nhân viên y tế thôn bản, khu dân cư theo quy định;

- Kinh phí hoạt động (bao gồm kinh phí hoạt động và kinh phí khám chữa bệnh cho người cao tuổi):

- + Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: 44 triệu đồng/trạm/năm;
- + Các huyện Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 49 triệu đồng/trạm/năm;
- + Các huyện còn lại: 47 triệu đồng/trạm/năm.

1.5. Tiêu chí, định mức phân bổ đối với các lĩnh vực sự nghiệp: Văn hoá thông tin; thể dục thể thao; phát thanh truyền hình; đảm bảo xã hội; khoa học công nghệ; chi hoạt động kinh tế (đã bao gồm sự nghiệp bảo vệ môi trường)

1.5.1. Cấp tỉnh

a) Tiêu chí

Căn cứ số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao đầu năm, thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công. Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ kinh phí để bảo đảm chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định; kinh phí chi hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp được tính đủ các chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề (2017 - 2020) và mức độ tự chủ theo quy định nhằm giảm chi NSNN, nâng cao trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, đổi mới cơ chế hoạt động.

Căn cứ nguồn lực và khả năng cân đối ngân sách hằng năm, bố trí kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp thực hiện hoạt động nghiệp vụ cụ thể và đặc thù của từng sự nghiệp được cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Định mức phân bổ

- Đảm bảo đầy đủ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số biên chế có mặt theo quy định để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Các đơn vị thiếu biên chế được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/biên chế/01tháng cho số biên chế thiếu;

- Đảm bảo kinh phí chi hoạt động thường xuyên của đơn vị theo mức bình quân/biên chế được giao tính đủ các chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm

trước liền kề (2017 - 2020), và mức độ tự chủ theo quy định nhằm giảm chi NSNN, nâng cao trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, đổi mới cơ chế hoạt động tại đơn vị:

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp công do NSNN bảo đảm chi thường xuyên: Định mức kinh phí hoạt động phân bổ: 19 triệu đồng/biên chế/năm;

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại do NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên, định mức kinh phí hoạt động phân bổ theo mức độ tự đảm bảo chi thường xuyên như sau:

Từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên: 14 triệu đồng/biên chế/năm;

Từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên: 12 triệu đồng/biên chế/năm;

Từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên: 10 triệu đồng/biên chế/năm.

- Đối với sự nghiệp đảm bảo xã hội được tính toán bổ sung các tiêu chí gồm: Các đối tượng thuộc diện chính sách theo quy định, bao gồm: Người già cô đơn không nơi nương tựa, người tàn tật, trẻ mồ côi, tâm thần....; thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách (gia đình thương binh, bệnh binh, người có công...) vào ngày lễ, tết; các đối tượng tại các trung tâm bảo trợ xã hội; đảm bảo đủ các loại phụ cấp khác: Phụ cấp trực; phụ cấp thu hút đặc thù ngành lao động xã hội; chi chế độ cho chế độ sau cai nghiện... theo các quy định hiện hành của Trung ương và của tỉnh.

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ: Quà cho các đối tượng chính sách, kinh phí điều tra, thu gom các đối tượng, công tác vệ sinh an toàn lao động, thăm viếng mộ liệt sỹ, đón nhận hài cốt, đưa đón các đối tượng nghỉ điều dưỡng... được xác định căn cứ khả năng cân đối ngân sách hằng năm.

- Đối với sự nghiệp văn hóa thông tin: Được tính toán bổ sung kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ: Trợ giá điện ảnh miền núi; hỗ trợ Đoàn nghệ thuật truyền thống; kinh phí Giỗ tổ Hùng Vương và bắn pháo hoa; kinh phí hoạt động Văn hoá thông tin du lịch về nguồn; hỗ trợ kinh phí hoạt động Ban Chỉ đạo Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*"; kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện Cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*"; hỗ trợ hoạt động văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình và hoạt động các ngành đoàn thể thuộc sự nghiệp... theo khả năng cân đối ngân sách hằng năm;

- Đối với sự nghiệp khoa học công nghệ: Đảm bảo tối thiểu bằng mức Trung ương phân bổ cho ngân sách địa phương;

- Ngoài ra, căn cứ vào khả năng ngân sách hằng năm, hỗ trợ kinh phí thực hiện hợp đồng một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định, bổ sung kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp thực hiện hoạt động nghiệp vụ cụ thể và đặc thù của từng sự nghiệp được cấp có thẩm quyền quyết định;

- Riêng chi hoạt động kinh tế: Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh và các huyện, thành, thị; căn cứ kế hoạch thực hiện các chương trình kinh tế trọng điểm; nhiệm vụ phát triển đối với các đô thị trực thuộc tỉnh (thành phố, thị xã), nhu cầu về duy tu sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi,... trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở khả năng ngân sách, bố trí định mức chi sự nghiệp kinh tế cấp tỉnh đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và các chế độ chính sách của Nhà nước theo quy định.

Định mức phân bổ kinh phí duy tu đường thuộc cấp tỉnh quản lý theo mức: 45 triệu đồng/km.

1.5.2. Cấp huyện

a) Tiêu chí

Căn cứ tiêu chí phân 03 vùng dân số được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này. Căn cứ số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao đầu năm cho các lĩnh vực sự nghiệp, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; căn cứ nguồn lực và khả năng cân đối ngân sách hằng năm, phân bổ kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình được cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Định mức phân bổ như sau:

*/ Định mức phân bổ chi sự nghiệp Văn hoá thông tin - Thể dục thể thao - Phát thanh truyền hình

- Đảm bảo đầy đủ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số biên chế có mặt theo quy định. Các đơn vị thiếu biên chế được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/biên chế/01 tháng cho số biên chế thiếu;

- Định mức kinh phí hoạt động sự nghiệp Văn hoá thông tin - Thể dục thể thao - Phát thanh truyền hình cấp huyện, xã được tính theo tiêu chí dân số trên địa bàn có phân theo vùng, miền, đảm bảo tăng trung bình 16% so dự toán 2021, cụ thể như sau:

<i>Vùng</i>	<i>Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)</i>
-------------	--

- Đô thị	27.278
- Vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn	23.238
- Vùng còn lại	27.606

Trong đó: Ngân sách cấp huyện 68%, ngân sách cấp xã 32%.

- Đối với các đơn vị có hoạt động văn hóa đặc thù, căn cứ khả năng ngân sách, phân bổ thêm kinh phí đảm bảo hoạt động;

- Ngoài định mức trên, sự nghiệp Văn hoá thông tin - Thể dục thể thao - Phát thanh truyền hình các huyện, thành, thị được bổ sung thêm kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* và kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện Cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*:

+ Kinh phí hoạt động cấp huyện: 45 triệu đồng/huyện, thành, thị/năm;

+ Kinh phí hoạt động cấp xã: Đối với các xã thuộc vùng khó khăn: 25 triệu đồng/xã/năm; đối với các xã thuộc vùng còn lại: 20 triệu đồng/xã/năm;

+ Kinh phí hoạt động của Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư: Đối với các khu của xã thuộc vùng khó khăn: 06 triệu đồng/khu/năm; đối với các khu của xã còn lại: 05 triệu đồng/khu/năm.

*/ Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

- Cấp huyện: Phân bổ kinh phí đảm bảo thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật và các chế độ: Quà cho các đối tượng chính sách (gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng ...); hỗ trợ kinh phí mai táng phí và các nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác theo quy định;

- Cấp xã: Phân bổ kinh phí đảm bảo chế độ đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng và các nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác theo quy định.

*/ Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế (đã bao gồm sự nghiệp bảo vệ môi trường)

- Đảm bảo đủ quỹ tiền lương, phụ cấp theo lương theo quy định hiện hành trên cơ sở chỉ tiêu biên chế giao hằng năm để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (biên chế thiếu được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/biên chế/01 tháng), không bao gồm lương hợp đồng một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính Phủ;

- Định mức kinh phí hoạt động phân bổ theo tiêu chí biên chế được cấp có thẩm quyền giao:

Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: 20 triệu đồng/biên chế/năm;

Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 23 triệu đồng/biên chế/năm;

Các huyện còn lại: 22 triệu đồng/biên chế/năm.

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách phân bổ kinh phí đảm bảo nguồn lực thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 theo lộ trình;

- Phân bổ kinh phí hoạt động kinh tế đảm bảo tăng tối thiểu 25% (đối với Thành phố Việt Trì, Thị xã Phú Thọ); tăng tối thiểu 5% (đối với các huyện còn lại) so với dự toán năm 2021 (không bao gồm quỹ tiền lương và kinh phí hoạt động theo biên chế; kinh phí thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; các khoản chi bổ sung có mục tiêu, các khoản chi hỗ trợ sự nghiệp kinh tế khác).

Định mức phân bổ trên đã bao gồm kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường nội thị 45 triệu đồng/km; các nhiệm vụ thuộc hoạt động kinh tế và bảo vệ môi trường khác theo quy định; trong đó: Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: Ngân sách thành phố, thị xã: 95%; ngân sách xã, phường, thị trấn: 5%. Các huyện còn lại: Ngân sách cấp huyện 80%, ngân sách cấp xã 20%.

1.6. Tiêu chí, định mức phân bổ chi Quốc phòng

1.6.1. Tiêu chí

Căn cứ tiêu chí phân 03 vùng dân số được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này. Căn cứ phân cấp thực hiện các nhiệm vụ chi quốc phòng hằng năm của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định.

1.6.2. Định mức phân bổ ngân sách

a) Cấp tỉnh

Định mức phân bổ ngân sách chi quốc phòng cấp tỉnh năm 2022 tăng tối thiểu 5% so với năm 2021. Trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về quốc phòng, căn cứ khả năng ngân sách hằng năm hỗ trợ, bổ sung để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Cấp huyện, xã

Định mức phân bổ ngân sách chi quốc phòng cấp huyện, xã: Sau khi được đảm bảo đủ kinh phí thực hiện chế độ, chính sách quy định của Luật Dân quân tự vệ, kinh phí hoạt động được tính theo tiêu chí dân số trên địa bàn có phân theo vùng, đảm bảo tăng trung bình 20% so dự toán 2021:

<i>Vùng</i>	<i>Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)</i>
- Đô thị	5.313
- Vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn	9.641
- Vùng còn lại	12.167

Cụ thể:

- Thành phố Việt Trì, Thị xã Phú Thọ: Ngân sách thành phố, thị xã: 60%; ngân sách xã, phường, thị trấn: 40%;

- Các huyện còn lại: Ngân sách cấp huyện 50%, ngân sách cấp xã 50%.

1.7. Tiêu chí, định mức phân bổ chi An ninh

1.7.1. Tiêu chí

Căn cứ tiêu chí phân 03 vùng dân số được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này. Căn cứ phân cấp thực hiện các nhiệm vụ chi an ninh hằng năm của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định.

1.7.2. Định mức phân bổ ngân sách

a) Cấp tỉnh

Định mức phân bổ ngân sách chi an ninh cấp tỉnh năm 2022 tăng tối thiểu 5% so với năm 2021. Trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, căn cứ khả năng ngân sách hằng năm hỗ trợ, bổ sung để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Cấp huyện, xã

Định mức phân bổ ngân sách chi an ninh cấp huyện, xã được tính theo tiêu chí dân số trên địa bàn có phân theo vùng, miền, đảm bảo tăng trung bình 20% dự toán năm 2021:

<i>Vùng</i>	<i>Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)</i>
- Đô thị	3.231
- Vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn	5.160
- Vùng còn lại	5.650

Cụ thể:

- Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: Ngân sách thành phố, thị xã: 75%; ngân sách xã, phường, thị trấn: 25%;

- Các huyện còn lại: Ngân sách cấp huyện 55%, ngân sách cấp xã 45%.

1.8. Định mức phân bổ chi khác ngân sách

- Định mức phân bổ ngân sách chi khác cấp tỉnh năm 2022 tăng tối thiểu 5% so với năm 2021.

- Định mức phân bổ ngân sách chi khác ngân sách cấp huyện, xã được tính theo tiêu chí dân số trên địa bàn có phân theo vùng, đảm bảo tăng trung bình 30% dự toán năm 2021:

<i>Vùng</i>	<i>Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)</i>
- Đô thị	11.473
- Vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn	7.089
- Vùng còn lại	8.264

Cụ thể:

- Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: Ngân sách thành phố, thị xã: 70%; ngân sách xã, phường, thị trấn: 30%;

- Các huyện còn lại: Ngân sách cấp huyện 65%, ngân sách cấp xã 35%.

1.9. Tiêu chí, định mức phân bổ dự phòng ngân sách

1.9.1. Tiêu chí

Định mức phân bổ chi dự phòng ngân sách các cấp đảm bảo kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

1.9.2. Định mức phân bổ ngân sách

Dự phòng ngân sách địa phương được phân bổ đảm bảo đủ mức Trung ương giao; trong đó: Định mức phân bổ dự phòng ngân sách cấp huyện, xã tăng 5% so dự phòng ngân sách năm 2021, đảm bảo từ 2 - 4% tổng chi thường xuyên ngân sách (không bao gồm một số các chính sách, phụ cấp đặc thù và các nhiệm vụ chi không mang tính thường xuyên, ổn định).

2. Định mức phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển các lĩnh vực sự nghiệp

2.1. Tiêu chí

- Căn cứ các nhiệm vụ, chương trình, đề án phát triển các lĩnh vực sự nghiệp cấp tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, của các huyện, thành, thị; kế hoạch thực hiện các chương trình kinh tế trọng điểm; diện tích tự nhiên và số km đường giao thông cấp tỉnh, huyện quản lý...;

- Căn cứ khả năng, nguồn lực của ngân sách sau khi đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành đến thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước; căn cứ quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách hằng năm.

2.2. Định mức phân bổ ngân sách

- Phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ: Sửa chữa, bảo trì, đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng... kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chương trình đề án của các sự nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ có mục tiêu cụ thể cho ngân sách cấp dưới để phát triển kinh tế xã hội.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XIX Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế các Nghị quyết: Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/ 2016 của HĐND tỉnh Phú Thọ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017 - 2020; Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Phú Thọ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/ 2016 của HĐND tỉnh Phú Thọ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017 - 2020./.

CHỦ TỊCH

Bùi Minh Châu